

Bản án số: 60/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27/8/2019.

“V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung”.

**NH DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Huệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Mạnh Dũng.

2. Ông Nguyễn Quang Liêu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 253/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019, “V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 253/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Hồng Tr; Sinh năm: 1996

HKTT: Thôn 1, xã M, huyện B, tỉnh B.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Khắc Đ; Sinh năm: 1991

HKTT: Thôn 1, xã M, huyện B, tỉnh B.

Địa chỉ: Cơ sở cai nghiện tỉnh B/ Ấp 5, xã M, huyện C, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng Tr trình bày:** Chị và anh Đ tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2013; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính cách; anh Đ thường xuyên chơi bời, nghiện hút, không chăm lo cuộc sống gia đình; chị và gia đình nhiều lần khuyên can nhưng anh Đ không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, không thể tiếp tục chung sống, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Chị và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Khắc Thiện Nh, sinh ngày 18/4/2015 và Nguyễn Khắc Thiện T, sinh ngày 31/01/2017.

Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung sau ly hôn, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Chị không yêu cầu giải quyết về tài sản, nợ chung.

**Tại bản tự khai và đơn xin vắng mặt ngày 01/8/2019 bị đơn Nguyễn Khắc Đ trình bày:**

Anh xác nhận về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn như chị Tr trình bày là đúng; Anh cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa thực sự đến mức trầm trọng; Tuy nhiên, hiện nay chị Tr yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Tr. Anh và chị Tr có 02 con chung như chị Tr trình bày là đúng, anh đồng ý giao cả hai con chung cho chị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; Anh cũng không yêu cầu giải quyết về tài sản, nợ chung. Do hiện nay anh Đg cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện tỉnh Bình Phước nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

**Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trình bày ý kiến, quan điểm về vụ án:** Về tố tụng, việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quan hệ hôn Nh: Chị Tr và anh Đ tự nguyện chung sống, kết hôn với nhau từ năm 2013, đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh B cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13; quyển số 01/2013, ký ngày 28/02/2013. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Tr với anh Đ là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh Đ không có công việc ổn định, nghiện ma túy, không chăm sóc được vợ con; anh Đ đã đi cai nghiện bắt buộc theo quyết định của Tòa án từ tháng 11 năm 2016 đến tháng 11/2018. Sau khi cai nghiện về chị Tr và gia đình đã khuyên can nhưng anh Đ không thay đổi được mà tái nghiện nên phải tiếp tục đi cai nghiện từ tháng 3/2019 cho đến nay. Tại phiên tòa chị Tr giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Đ; Bản thân anh Đ cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Tr. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Tr và anh Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr đối với anh Đ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị Tr và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Khắc Thiện Nh, sinh ngày 18/4/2015 và Nguyễn Khắc Thiện T, sinh ngày 31/01/2017. Chị Tr đề nghị được trực tiếp nuôi con sau ly hôn vì chị có nơi ở, công việc, thu nhập ổn định; anh Đ không có công việc ổn định và đang đi cai nghiện nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị Tr không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ đồng ý để chị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung theo yêu cầu của chị Tr, không yêu cầu giải quyết nghĩa<sub>2</sub>

vụ cấp dưỡng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Tr và ý kiến của anh Đ giao cả hai con chung của chị Tr và anh Đ cho chị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản, nợ chung: Chị Tr và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các điều 35, 147, 171; Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng Tr được ly hôn với anh Nguyễn Khắc Đ.

2. Về con chung: Giao 02 con chung của chị Tr và anh Đ là Nguyễn Khắc Thiện Nh, sinh ngày 18/4/2015 và Nguyễn Khắc Thiện T, sinh ngày 31/01/2017 cho chị Nguyễn Thị Hồng Tr trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở, đồng thời có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng Tr phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009475 ngày 11/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- UBND xã M;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(ĐÃ KÝ)

**NGUYỄN VĂN HUỆ**

